

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2018/DS-PT

Ngày: 24-9-2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và bồi thường thiệt hại về
tài sản và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn V

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn G

Ông Nguyễn Văn T

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Huỳnh L – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản và đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2017/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trang Thị Hồng S, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TN, xã MC, huyện CT, Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có luật sư Đặng Văn Ch, Văn phòng luật sư Đặng Văn Ch thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Tr, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: ấp HP, xã ĐL, huyện CT, Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1983 (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1950 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1985 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp TN, xã MC, huyện CT, Trà Vinh.

- Ông Kim S, sinh năm 1952 (có mặt)
Địa chỉ: ấp HP, xã ĐL, huyện CT, Trà Vinh
 - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Kim S có ông Diệp Minh Tr
 - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.
(có mặt)
 - Ông Lê Văn C, sinh năm 1970 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Ô R, xã Phước H, huyện T, tỉnh Trà Vinh
 - Ông Lê Văn Th, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp An C, xã Thanh M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.
 - Ông Kim Nh, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp TN, xã MC, huyện CT, tỉnh Trà Vinh
 - Ông Kim Thanh H, sinh năm 1984 (vắng mặt)
 - Ông Kim Út H, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp TN, xã MC, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.
 - UBND huyện CT - ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Trần Quốc Th (vắng mặt).
4. Người phiên dịch: Ông Thạch H - Công tác tại Trung tâm Bảo tàng tổng hợp tỉnh Trà Vinh.
5. Người kháng cáo: Bà Đặng Thị Tr là bị đơn và ông Kim S là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2015 và khởi kiện bổ sung ngày 08/7/2016 trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trang Thị Hồng S trình bày:

Ngày 07/4/2000, bà nhận chuyển nhượng của bà Tr, ông S diện tích 4050m² (3,7 công) đất trồng lúa, thuộc thửa 1726, tờ bản đồ số 7, giá 36 chỉ vàng 24k loại vàng 98%, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Thạch Anh Tuấn đứng tên, đôi bên có làm giấy tay, bà Tr, ông S trực tiếp nhận đủ 36 chỉ vàng.

Ngày 29/3/2002, bà nhận chuyển nhượng của bà Tr, ông S diện tích 2500m² (2,5 công) đất trồng lúa, thuộc một phần thửa 966, tờ bản đồ số 7, giá 31 chỉ, 02 phân, 05 ly vàng 24k, loại vàng 98%, đôi bên có làm giấy tay, bà Tr ông S trực tiếp nhận vàng.

Ngày 04/11/2003, bà nhận chuyển nhượng tiếp diện tích 2550m² đất trồng lúa, phần diện đất còn lại của thửa số 996, với giá 29 chỉ 04 phân 05 ly vàng 24k, loại vàng 98%, bà Tr nhận vàng quy thành tiền là 21.060.000 đồng. Hai bên có ra ủy ban nhân dân xã ĐL làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ thửa số 966 của hai lần chuyển nhượng cho bà canh tác, sau đó bà kê khai đăng ký và nhập lại hai thửa đất 1726 và 966 và được ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.197m² thuộc thửa số 101, tờ bản đồ số 58, loại đất trồng lúa. Tháng 11/2009 bà Tr, ông S cùng các con đứng ra ngăn cản không cho bà canh tác và chiếm lại phần diện tích 2550m² đất mà bà nhận chuyển nhượng vào năm 2003.

Nay bà yêu cầu hộ bà Đặng Thị Tr phải trả lại cho bà 2550m² đất trồng lúa (thực đo là 2718 m²), thuộc một phần thửa 101, tờ bản đồ số 58, tọa lạc tại ấp HP, xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh. Bà không thống nhất trả cho bà Tr, ông S 06 chỉ vàng, lý do bà đã trả đủ vàng sau khi nhận chuyển nhượng đất.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 04/3/2016, phản tố bổ sung ngày 01/8/2016 và lời khai tại tòa, bà Đặng Thị Tr trình bày:

Năm 2000, bà và ông S có chuyển nhượng cho bà S khoảng 3.700 m² đất (3,7 công) trồng lúa thuộc thửa 1726 với giá 36 chỉ vàng 24k, loại vàng 98%, hai bên có làm giấy tay, bà S trả trước cho bà được 30 chỉ vàng 24k. loại vàng 98% còn nợ lại 06 chỉ bà S chưa trả cho bà. Năm 2002 bà với ông S tiếp tục chuyển nhượng cho bà S 2.500m² đất trồng lúa thuộc một phần thửa 966 (thửa cũ), nằm trong tổng diện tích 5000m² đất trồng lúa. nhưng không rõ vì sao đến năm 2003, bà S được ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích 5.000m² thửa đất này nên năm 2009 bà đã lấy lại phần đất này canh tác đến nay.

Bà S yêu cầu hộ bà trả lại phần diện tích đất 2550m² đất trồng lúa, thuộc một phần thửa 101 (thửa mới), tờ bản đồ số 58, tọa lạc tại ấp HP, xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh, bà không đồng ý vì bà không có chuyển nhượng phần diện tích đất này cho bà S và bà yêu cầu bà S trả lại cho bà 06 chỉ vàng 24k, loại vàng 98%, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 101 (thửa mới) tờ bản đồ số 58 và công nhận cho bà phần diện tích đất 2550m² (thực đo là 2718 m²) thuộc thửa 966, tờ bản đồ số 07 (thửa mới 101, tờ bản đồ số 58) tọa lạc tại ấp HP, xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu của bà S, không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Phần chuyển nhượng diện tích 3,7 công đất cho bà S giá 36 chỉ vàng hai bên đã thỏa thuận thống nhất phần chuyển nhượng, bà S đã giao đủ số vàng cho bà Tr, ông S theo biên nhận đã được thể hiện trong hồ sơ, còn lại 01 chỉ vàng hai bên cũng đã thừa nhận là trừ vào số tiền thuê đất một năm của bà S. Đối với phần đất nhận chuyển nhượng ngày 04/11/2003 với diện tích 2550m² phần diện đất còn lại của thửa số 996, với giá 29 chỉ 04 phân 05 ly vàng 24k, bà Tr đã nhận đủ và hai bên có ra ủy ban nhân dân xã ĐL làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù trong hợp đồng chuyển nhượng ông S không ký tên nhưng ông S có nhận số tiền này nên ông S biết việc chuyển nhượng này và các bên không ai phát sinh tranh chấp. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Tr, ông S giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Kim S: Phần chuyển nhượng diện tích 3,7 công đất cho bà S giá 36 chỉ vàng bà Tr chỉ nhận được 30 vàng còn lại 06 chỉ vàng bà S giao chưa đầy đủ. Đối với phần còn lại của thửa 966 trong hợp đồng chuyển nhượng chỉ thể hiện bà Tr ký tên không có chữ ký của ông S là thành viên trong hộ nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT quyết định:

Áp dụng khoản 6, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 135, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 100, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai.

Áp dụng điều 351, 352, 353, 356, 360, 361 Bộ luật Dân sự

Áp dụng Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thị Hồng S.

Bác đơn yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Tr và yêu cầu của ông Kim S

Buộc hộ bà Đặng Thị Tr, ông Kim S phải có trách nhiệm trả lại cho hộ bà Trang Thị Hồng S diện tích 2550m² (thực đo 2718m²) đất trồng lúa nằm trong tổng diện tích diện tích 8.197m², thuộc một phần thửa số 101, tờ bản đồ số 58, tọa lạc tại ấp HP, xã DL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh. có như sau:

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên vị trí tứ cận, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá, chi phí giám định, quyền kháng cáo và thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/11/2017 bị đơn bà Đặng Thị Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim S kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Tr.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tr, ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến nhận xét: Trước phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng qui định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định pháp luật về trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa. Các đương sự điều thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định pháp luật. Về nội dung: Bà Tr, ông S kháng cáo yêu cầu bà S trả 06 chỉ vàng của phần chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2000 nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Về phần chuyển nhượng ngày 04/11/2003 với phần diện đất còn lại của thửa số 966 diện tích 2550m², với giá 29 chỉ 04 phân 05 ly vàng 24k, bà Tr đã nhận đủ số tiền được quy ra vàng được thể hiện trong biên nhận. Tại phiên tòa hôm nay bà Tr, ông S nài ra trong hợp đồng chuyển nhượng ông S không ký tên nhưng thấy rằng trong biên nhận tiền ông S có nhận số tiền nên ông S biết việc chuyển nhượng này và các bên không ai phát sinh tranh chấp. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Tr, ông S giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Đặng Thị Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim S kháng cáo còn trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Xét trong hồ sơ nguyên đơn bà Trang Thị Hồng S với bị đơn bà Đặng Thị Tr cùng chồng ông Kim S đều thống nhất vào ngày 07/4/2000, bà S có nhận chuyển nhượng của bà Tr, ông S diện tích 4050m² đất trồng lúa, thuộc thửa 1726, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp HP, xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh, giá 36 chỉ vàng 24k loại vàng 98%, (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Thạch Anh Tuấn đứng tên sau khi trả cho bà Tr), đôi bên có làm giấy tay và có Trưởng ban nhân dân ấp xác nhận. Tuy nhiên, bà Tr và ông S cho rằng sau khi thực hiện xong việc chuyển nhượng, bà S chỉ giao cho được 30 chỉ vàng 24Kra còn lại 06 chỉ vàng 24Kra, có lời khai khác thì cho rằng bà S chỉ giao cho được 29 chỉ vàng 24Kra còn lại 07 chỉ vàng 24Kra chưa trả nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Về phía bà S có cung cấp chứng cứ cho Tòa án để chứng minh việc bà S đã trả đủ số tiền nhận chuyển nhượng thửa đất số 1726 cho bà Tr, ông S cụ thể: Giấy biên nhận ngày 08/5/2000 đã thể hiện ông S, bà Tr có ký nhận của bà S 03 cây vàng (30 chỉ vàng) và biên nhận ngày 31/5/2000 ông S có ký nhận của bà S 05 chỉ vàng. Các chữ ký trong biên nhận được Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh trà Vinh kết luận giám định là chữ ký của bà Tr, ông S. Còn lại 01 chỉ vàng mặc dù không thể hiện trong biên nhận nhưng các bên đã thừa nhận được trừ vào tiền bà S cho bà Tr thuê đất 01 năm (Bút lục số 115, 131). Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng, chứng cứ mà bà S đưa ra là phù hợp với lời khai của bà S, yêu cầu của bà Tr, ông S đòi bà S trả 06 chỉ vàng 24Kra là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Ngoài việc chuyển nhượng phần đất trên, ngày 29/3/2002 bà Tr chuyển nhượng tiếp cho bà S diện tích 2500m² (2,5 công) trong tổng diện tích 5000m² đất trồng lúa, thuộc một phần thửa 966, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp HP, xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh, giá 31 chỉ, 02 phân, 05 ly vàng 24k, loại vàng 98%, phần này đôi bên đều thừa nhận và đã giao nhận đủ số vàng, không tranh chấp. Nhưng phần còn lại của thửa đất này diện tích 2500m² (thực đo 2.718m²) bà S cho rằng, bà Tr đã chuyển nhượng cho bà vào ngày 04/11/2003 với giá 29 chỉ 04 phân 05 ly vàng 24k, loại vàng 98% bà Tr đã nhận vàng quy thành tiền là 21.060.000 đồng và hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hai lần chuyển nhượng thửa số 966 sang cho bà. Bà Tr và ông S thì cho rằng, không có việc chuyển nhượng phần đất còn lại diện tích 2500m² (thực đo 2.718m²) của thửa đất 966 cho bà S mà chỉ cho bà S mượn tạm sử dụng trong thời gian 03 năm để trừ số nợ vợ chồng bà còn thiếu bà S 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ vào các biên nhận mà bà Tr và ông S nhận tiền của bà S là trùng khớp với số tiền bà S nhận chuyển nhượng phần đất trên của bà Tr (Bút lục 89). Bà Tr, ông S cho rằng, biên nhận số tiền trên là giả mạo chữ ký nhưng theo kết quả giám định chữ ký của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh trà Vinh kết luận là chữ ký của bà Tr, ông S. Bà Tr, ông S không có chứng cứ nào khác để chứng minh việc này.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích cho ông S nại ra trong hợp đồng chuyển nhượng ông S không ký tên là không hợp pháp.

Nhưng thấy rằng, từ khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao đất cho bà S canh tác ông S ở Ch hộ biết việc này nhưng không phản đối gì. Nên lời đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích cho ông S chưa thỏa mãn nên không được chấp nhận.

[5] Bản án sơ thẩm có một số sai sót như: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Kim S có ông Diệp Minh Tr - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh nhưng lại chứng nhận ông Diệp Minh Tr bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tr là không đúng (BL 17; BL 23); Vụ án được thụ lý trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nhưng không áp dụng pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 được quy định tại Điều 48 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Cấp sơ thẩm nhận định bà Tr, ông S thuộc diện hộ nghèo, ở xã nghèo nên được miễn án phí nhưng phần quyết định không tuyên miễn án phí cho bà Tr mà lại tuyên miễn án phí cho bà S, lẽ ra phải tuyên bà S không phải chịu án phí vì yêu cầu của bà S được chấp nhận; Bản án chưa đúng Mẫu số 52-DS của Nghị quyết 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, những vi phạm trên không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nội dung vụ án nhưng cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm cho giải quyết vụ án khác.

[6] Ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà S là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[8] Bà Tr, ông S là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 135, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 100, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai.

Căn cứ Điều 351, 352, 353, 356, 360, 361 Bộ luật Dân sự

Căn cứ pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị Tr.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và đòi lại tài sản” giữa nguyên đơn bà Trang Thị Hồng S, bị đơn bà Đặng Thị Tr.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thị Hồng S.

Bác đơn yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Tr và yêu cầu của ông Kim S

Buộc hộ bà Đặng Thị Tr, ông Kim S phải có trách nhiệm trả lại cho hộ bà Trang Thị Hồng S diện tích 2550m² (thực đo 2718m²) đất trồng lúa nằm trong tổng diện tích diện tích 8.197m², thuộc một phần thửa số 101, tờ bản đồ số 58, tọa lạc tại ấp ấp HP, xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh, có tứ cận như sau:

H Đông giáp kênh, kích thước 37,75m

H Tây giáp phần còn lại thửa số 101, kích thước 37,70m

H Nam giáp thửa số 94 và phần còn lại thửa số 101, kích thước 72,3m

H Bắc giáp thửa số 84, kích thước 72,3m.(Có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

Đình chỉ yêu cầu của bà S, yêu cầu hộ bà Tr bồi thường 18 vụ lúa bằng 18.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Tr, ông S.

Bà Trang Thị Hồng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà S được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.650.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0011922 ngày 19/10/2015 và biên lai thu tiền số: 0005895 ngày 14/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Tr, ông S. Các đương sự khác không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về chi phí định giá tài sản: Bà Đặng Thị Tr và ông Kim S phải chịu 2.556.419 đồng chi phí định giá tài sản nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT để hoàn trả cho bà Trang Thị Hồng S.

Bà S được hoàn trả lại số tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản còn thừa 1.443.581 đồng tại Tòa án nhân dân huyện CT.

Về chi phí giám định chữ ký: Bà Đặng Thị Tr, ông Kim S phải chịu chi phí giám định chữ ký 2.735.000 đồng nhưng ông, bà đã nộp tạm ứng xong.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện CT;
- CCTHADS huyện CT ;
- Các đương sự; Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Văn V

